

Hải Phòng, ngày 19 tháng 1 năm 2026

THÔNG BÁO

(V/v chi trả kinh phí hỗ trợ học phí học kỳ I năm học 2025 – 2026
theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP)

Trường THPT Lương Thế Vinh thông báo đến các bậc phụ huynh học sinh của trường về việc nhận kinh phí hỗ trợ học phí học kỳ I năm học 2025 - 2026 theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ tài chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo; Nghị quyết số 28/2025/NQ-HĐND ngày 13 tháng 11 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng quy định mức học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, học sinh phổ thông, người học chương trình giáo dục phổ thông trong các cơ sở giáo dục dân lập, tư thục trên địa bàn thành phố từ năm học 2025 - 2026.

1. **Thời gian nhận tiền:** Từ ngày 21/01/2026 đến ngày 25/1/2026
2. **Số tiền hỗ trợ:**
 $125.000 \text{ đ} \times 4 \text{ tháng} = \mathbf{500.000\text{đ/ học sinh}}$
3. **Phương án trả tiền:** Trả qua tài khoản ngân hàng
4. **Yêu cầu:** Phụ huynh học sinh chưa nhận được tiền hỗ trợ học phí sau ngày 25/01/2026 phản hồi lại nhà trường thông qua GVCN.

HIỆU TRƯỞNG

Họ Thị Dinh

Số: 83/QĐ-THPTLTV

Hải Phòng, ngày 21 tháng 11 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt danh sách học sinh được hưởng chế độ hỗ trợ học phí năm học 2025 - 2026

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THPT LƯƠNG THẾ VINH

Căn cứ Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Nghị quyết số 28/2025/NQ-HĐND ngày 13 tháng 11 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng quy định mức học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập và mức hỗ trợ học phí đối với trẻ mầm non, học sinh phổ thông, người học chương trình giáo dục phổ thông trong cơ sở giáo dục dân lập, tư thục trên địa bàn thành phố Hải Phòng từ năm học 2025-2026.

Căn cứ kết quả thẩm định, xét duyệt hỗ trợ học phí của Sở Giáo dục và Đào tạo theo biên bản ngày 25 tháng 9 năm 2025;

Xét đề nghị của Bà Trần Thị Thu Trang – Kế toán nhà trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách học sinh được hưởng chế độ hỗ trợ học phí năm học 2025 - 2026 theo quy định tại Nghị định số 238/2025/NĐ-CP, cụ thể như sau: (Chi tiết theo Danh sách kèm theo).

- Tổng số học sinh được hỗ trợ: **925** học sinh;
- Tổng kinh phí đề nghị hỗ trợ: **462.500.000** đồng

(Bằng chữ: Bốn trăm sáu mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các ông (bà): Kế toán, Giáo viên chủ nhiệm và các bộ phận có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Sở GD&ĐT thành phố (để báo cáo);
- Lưu: VT.



SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HẢI PHÒNG
TRƯỜNG THPT LƯƠNG THẾ VINH

Số: 8728/SGDD - KHTC

V/v đề nghị thẩm định, phê duyệt danh sách học sinh
được hỗ trợ học phí theo quy định tại Nghị định số
238/2025/NĐ-CP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hải Phòng, ngày 21 tháng 11 năm 2025

Kính gửi: Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hải Phòng.

Căn cứ Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Nghị quyết số 28/2025/NQ-HĐND ngày 13 tháng 11 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng quy định mức học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập và mức hỗ trợ học phí đối với trẻ mầm non, học sinh phổ thông, người học chương trình giáo dục phổ thông trong cơ sở giáo dục dân lập, tư thục trên địa bàn thành phố Hải Phòng từ năm học 2025-2026.

Trường THPT Lương Thế Vinh đề nghị Sở Giáo dục và Đào tạo xem xét, thẩm định và phê duyệt danh sách học sinh được hỗ trợ học phí theo quy định tại Nghị định số 238/2025/NĐ-CP năm học 2025 -2026 cụ thể như sau:

1. Tổng số học sinh đề nghị hỗ trợ học phí: 925 học sinh.
2. Tổng kinh phí đề nghị hỗ trợ: 462.500.000 đồng
(Bằng chữ: Bốn trăm sáu mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng).
3. Tài liệu gửi kèm gồm:
 - Tổng hợp danh sách đề nghị được hỗ trợ học phí;
 - Danh sách học sinh đề nghị được hỗ trợ học phí;
 - Các tài liệu minh chứng kèm theo:
 - + Quyết định, danh sách trúng tuyển được cấp có thẩm quyền phê duyệt;
 - + Hồ sơ, tài liệu minh chứng về tăng, giảm số học sinh so với danh sách được phê duyệt ban đầu - nếu có (học sinh chuyển đi, chuyển đến...).

Vậy, Trường THPT Lương Thế Vinh kính đề nghị Sở Giáo dục và Đào tạo xem xét, thẩm định và phê duyệt để nhà trường thực hiện việc hỗ trợ học phí cho học sinh theo đúng quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.





TỔNG HỢP HỌC SINH ĐỀ NGHỊ CẤP HỖ TRỢ HỌC PHÍ

Năm học 2025 - 2026 (Từ tháng 9 đến tháng 12 năm 2025)

(Kèm theo Quyết định số 83/QĐ-THPTLTV ngày 21 tháng 11 năm 2025 của Trường THPT Lương Thế Vinh)

TT	Lớp	Số học sinh đề nghị cấp hỗ trợ	Mức hỗ trợ	Tổng kinh phí đề nghị cấp hỗ trợ
	Tổng số	925	500,000	462,500,000
I	Học sinh THPT			
1	Lớp 10A1	35	500,000	17,500,000
2	Lớp 10A2	40	500,000	20,000,000
3	Lớp 10A3	38	500,000	19,000,000
4	Lớp 10A4	40	500,000	20,000,000
5	Lớp 10A5	38	500,000	19,000,000
6	Lớp 11B1	40	500,000	20,000,000
7	Lớp 11B2	41	500,000	20,500,000
8	Lớp 11B3	41	500,000	20,500,000
9	Lớp 11B4	40	500,000	20,000,000
10	Lớp 11B5	39	500,000	19,500,000
11	Lớp 11B6	43	500,000	21,500,000
12	Lớp 11B7	43	500,000	21,500,000
13	Lớp 11B8	42	500,000	21,000,000
14	Lớp 11B9	37	500,000	18,500,000
15	Lớp 12C1	35	500,000	17,500,000
16	Lớp 12C2	45	500,000	22,500,000
17	Lớp 12C3	39	500,000	19,500,000
18	Lớp 12C4	43	500,000	21,500,000
19	Lớp 12C5	45	500,000	22,500,000
20	Lớp 12C6	43	500,000	21,500,000
21	Lớp 12C7	43	500,000	21,500,000
22	Lớp 12C8	39	500,000	19,500,000
23	Lớp 12C9	36	500,000	18,000,000

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG THPT LƯƠNG THẾ VINH

Biểu số 2 NCL



DANH SÁCH HỌC SINH ĐỀ NGHỊ CẤP HỖ TRỢ HỌC PHÍ LỚP 10A1

Năm học 2025-2026 (Từ tháng 9 đến tháng 12 năm 2025)

(Kèm theo Quyết định số 83/QĐ-THPTLTV ngày 21 tháng 11 năm 2025 của Trường THPT Lương Thế Vinh)

TT	Họ và tên học sinh	Mức học phí đề nghị hỗ trợ/tháng (đồng)	Số tháng	Tổng kinh phí đề nghị hỗ trợ (đồng)	Ghi chú
	Tổng số: 35			17,500,000	
C	Học sinh THPT				
I	Học sinh thành thị				
1	Ngô Phương Anh	125,000	4	500,000	
2	Nguyễn Bảo Anh	125,000	4	500,000	
3	Trần Đức Anh	125,000	4	500,000	
4	Nguyễn Ngọc Ánh	125,000	4	500,000	
5	Bùi Thái Bảo	125,000	4	500,000	
6	Hoàng Thùy Diễm	125,000	4	500,000	
7	Hoàng Văn Minh Đức	125,000	4	500,000	
8	Nguyễn Gia Đức	125,000	4	500,000	
9	Trần Thị Thu Hà	125,000	4	500,000	
10	Lương Gia Huy	125,000	4	500,000	
11	Trần Gia Huy	125,000	4	500,000	
12	Nguyễn Khắc Hưng	125,000	4	500,000	
13	Nguyễn Quang Duy Hưng	125,000	4	500,000	
14	Đoàn Phúc Khang	125,000	4	500,000	
15	Lương Tấn Khoa	125,000	4	500,000	
16	Phạm Phương Lâm	125,000	4	500,000	

17	Đỗ Phương Linh	125,000	4	500,000	
18	Bùi Bình Minh	125,000	4	500,000	
19	Nguyễn Hà Thái Nhi	125,000	4	500,000	
20	Bùi Hồng Nhung	125,000	4	500,000	
21	Nguyễn Duy Phát	125,000	4	500,000	
22	Ngô An Phú	125,000	4	500,000	
23	Hoàng Hoa Phượng	125,000	4	500,000	
24	Bùi Minh Quân	125,000	4	500,000	
25	Mai Anh Quân	125,000	4	500,000	
26	Phạm Anh Quân	125,000	4	500,000	
27	Lê Phương Thảo	125,000	4	500,000	
28	Ngô Danh Thắng	125,000	4	500,000	
29	Nguyễn Phan Anh Thư	125,000	4	500,000	
30	Hoàng Ngọc Toàn	125,000	4	500,000	
31	Lương Thu Trang	125,000	4	500,000	
32	Ngô Bảo Trâm	125,000	4	500,000	
33	Bùi Anh Tuấn	125,000	4	500,000	
34	Vũ Hoàng Thái Tuấn	125,000	4	500,000	
35	Đoàn Phương Uyên	125,000	4	500,000	



DIỄN SÁCH HỌC SINH ĐỀ NGHỊ CẤP HỖ TRỢ HỌC PHÍ LỚP 10A2

Năm học 2025-2026 (Từ tháng 9 đến tháng 12 năm 2025)
(Kèm theo Quyết định số 83/QĐ-THPTLTV ngày 21 tháng 11 năm 2025 của Trường THPT Lương Thế Vinh)

TT	Họ và tên học sinh	Mức học phí đề nghị hỗ trợ/tháng (đồng)	Số tháng	Tổng kinh phí đề nghị hỗ trợ (đồng)	Ghi chú
	Tổng số: 40			20,000,000	
C	Học sinh THPT				
I	Học sinh thành thị				
1	Đặng Bảo An	125,000	4	500,000	
2	Đỗ Phương Anh	125,000	4	500,000	
3	Nguyễn Thị Minh Anh	125,000	4	500,000	
4	Lê Minh Ánh	125,000	4	500,000	
5	Vũ Minh Châu	125,000	4	500,000	
6	Lưu Dương Chiến	125,000	4	500,000	
7	Nguyễn Anh Đức	125,000	4	500,000	
8	Nguyễn Minh Đức	125,000	4	500,000	
9	Mai Khánh Hà	125,000	4	500,000	
10	Vũ Đức Hiệu	125,000	4	500,000	
11	Nguyễn Duy Khánh	125,000	4	500,000	
12	Trần Đức Duy Kiên	125,000	4	500,000	
13	Trần Đức Trung Kiên	125,000	4	500,000	
14	Bùi Đại Lâm	125,000	4	500,000	
15	Nguyễn Tùng Lâm	125,000	4	500,000	
16	Chu Phương Linh	125,000	4	500,000	

17	Đặng Thùy Linh	125,000	4	500,000	
18	Ngô Thị Khánh Linh	125,000	4	500,000	
19	Nguyễn Diệu Linh	125,000	4	500,000	
20	Nguyễn Gia Linh	125,000	4	500,000	
21	Vũ Phương Linh	125,000	4	500,000	
22	Nguyễn Khánh Ly	125,000	4	500,000	
23	Lương Nguyễn Tuệ Minh	125,000	4	500,000	
24	Nguyễn Ngọc Hà My	125,000	4	500,000	
25	Vũ Thị Tình Nhi	125,000	4	500,000	
26	Nguyễn Ngọc Phương	125,000	4	500,000	
27	Phạm Tố Quyên	125,000	4	500,000	
28	Bùi Văn Thành	125,000	4	500,000	
29	Đinh Văn Thiện	125,000	4	500,000	
30	Dương Thanh Thu	125,000	4	500,000	
31	Phạm Minh Thu	125,000	4	500,000	
32	Trần Bảo Trang	125,000	4	500,000	
33	Nguyễn Đăng Trung	125,000	4	500,000	
34	Nguyễn Anh Tùng	125,000	4	500,000	
35	Phạm Minh Tuyết	125,000	4	500,000	
36	Phạm Tú Uyên	125,000	4	500,000	
37	Nguyễn Thị Ngọc Vạn	125,000	4	500,000	
38	Lê Nguyễn Quỳnh Vi	125,000	4	500,000	
39	Nguyễn Khánh An Vy	125,000	4	500,000	
40	Đặng Thị Kim Dư	125,000	4	500,000	



DANH SÁCH HỌC SINH ĐỀ NGHỊ CẤP HỖ TRỢ HỌC PHÍ LỚP 10A3

Năm học 2025-2026 (Từ tháng 9 đến tháng 12 năm 2025)
(Kèm theo Quyết định số 83/QĐ-THPTLTV ngày 21 tháng 11 năm 2025 của Trường
THPT Lương Thế Vinh)

TT	Họ và tên học sinh	Mức học phí đề nghị hỗ trợ/tháng (đồng)	Số tháng	Tổng kinh phí đề nghị hỗ trợ (đồng)	Ghi chú
	Tổng số: 38			19,000,000	
C	Học sinh THPT				
I	Học sinh thành thị				
1	Đặng Lê Ngọc Anh	125,000	4	500,000	
2	Nguyễn Thị Mai Anh	125,000	4	500,000	
3	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	125,000	4	500,000	
4	Phạm Châu Anh	125,000	4	500,000	
5	Nguyễn Thảo Chi	125,000	4	500,000	
6	Phạm Tiến Dũng	125,000	4	500,000	
7	Nguyễn Minh Đạt	125,000	4	500,000	
8	Phạm Minh Đức	125,000	4	500,000	
9	Lê Trần Minh Hạnh	125,000	4	500,000	
10	Trần Đức Huy	125,000	4	500,000	
11	Phạm Thành Hưng	125,000	4	500,000	
12	Phạm Nam Khánh	125,000	4	500,000	
13	Lê Hà Linh	125,000	4	500,000	
14	Vũ Ngọc Mai	125,000	4	500,000	
15	Nguyễn Thị Hồng Miên	125,000	4	500,000	
16	Chen Ming	125,000	4	500,000	

17	Trần Xuân Minh	125,000	4	500,000	
18	Nguyễn Trần Hà My	125,000	4	500,000	
19	Cao Thị Bảo Ngọc	125,000	4	500,000	
20	Trịnh Minh Ngọc	125,000	4	500,000	
21	Vũ Diễm Ngọc	125,000	4	500,000	
22	Vũ Hoàng Minh Ngọc	125,000	4	500,000	
23	Vũ Như Ngọc	125,000	4	500,000	
24	Nguyễn Ngân Nhi	125,000	4	500,000	
25	Nguyễn Thị Hà Phương	125,000	4	500,000	
26	Trần Hà Phương	125,000	4	500,000	
27	Trần Thị Minh Tâm	125,000	4	500,000	
28	Lê Trường Thành	125,000	4	500,000	
29	Phạm Thị Phương Thảo	125,000	4	500,000	
30	Nguyễn Huyền Trang	125,000	4	500,000	
31	Phạm Huyền Trang	125,000	4	500,000	
32	Nguyễn Trần Thảo Uyên	125,000	4	500,000	
33	Lê Hải Vi	125,000	4	500,000	
34	Nguyễn Cát Tường Vi	125,000	4	500,000	
35	Khúc Xuân Việt	125,000	4	500,000	
36	Lê Văn Quang Vinh	125,000	4	500,000	
37	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	125,000	4	500,000	
38	Nguyễn Đức Hải	125,000	4	500,000	



DANH SÁCH HỌC SINH ĐỀ NGHỊ CẤP HỖ TRỢ HỌC PHÍ LỚP 10A4

Năm học 2025-2026 (Từ tháng 9 đến tháng 12 năm 2025)
(Kèm theo Quyết định số 83/QĐ-THPTLV ngày 21 tháng 11 năm 2025 của Trường THPT Lương Thế Vinh)

TT	Họ và tên học sinh	Mức học phí đề nghị hỗ trợ/tháng (đồng)	Số tháng	Tổng kinh phí đề nghị hỗ trợ (đồng)	Ghi chú
	Tổng số: 40			20,000,000	
C	Học sinh THPT				
I	Học sinh thành thị				
1	Dương Nguyễn Đức Anh	125,000	4	500,000	
2	Đỗ Lê Minh Anh	125,000	4	500,000	
3	Nguyễn Ngọc Quỳnh Anh	125,000	4	500,000	
4	Đỗ Phương Chi	125,000	4	500,000	
5	Nguyễn Bích Diệp	125,000	4	500,000	
6	Nguyễn Bích Ngọc Giang	125,000	4	500,000	
7	Trần Thu Hà	125,000	4	500,000	
8	Nguyễn Hoàng Hiệp	125,000	4	500,000	
9	Vũ Đức Hiếu	125,000	4	500,000	
10	Lê Việt Hoàng	125,000	4	500,000	
11	Nguyễn Minh Huế	125,000	4	500,000	
12	Dương Gia Huy	125,000	4	500,000	
13	Đỗ Gia Huy	125,000	4	500,000	
14	Ngô Gia Huy	125,000	4	500,000	
15	Nguyễn Thành Hưng	125,000	4	500,000	
16	Phạm Duy Hưng	125,000	4	500,000	

17	Bùi Thu Kỳ	125,000	4	500,000	
18	Lê Tùng Lâm	125,000	4	500,000	
19	Trần Tố Linh	125,000	4	500,000	
20	Nguyễn Đình Tuấn Mạnh	125,000	4	500,000	
21	Nguyễn Lương Minh	125,000	4	500,000	
22	Hoàng Khánh Ngọc	125,000	4	500,000	
23	Phạm Bích Ngọc	125,000	4	500,000	
24	Bùi Yến Nhi	125,000	4	500,000	
25	Đỗ Minh Phúc	125,000	4	500,000	
26	Trần Minh Quân	125,000	4	500,000	
27	Nguyễn Quốc Thái	125,000	4	500,000	
28	Dương Thị Phương Thanh	125,000	4	500,000	
29	Vũ Thu Thảo	125,000	4	500,000	
30	Vũ Thanh Tình	125,000	4	500,000	
31	Đinh Thành Trung	125,000	4	500,000	
32	Nguyễn Đình Tuấn	125,000	4	500,000	
33	Bùi Đức Tùng	125,000	4	500,000	
34	Vũ Thị Thanh Vân	125,000	4	500,000	
35	Đào Thị Hà Vi	125,000	4	500,000	
36	Hoàng Yến Vy	125,000	4	500,000	
37	Bùi Hoàng Yến	125,000	4	500,000	
38	Vũ Mạnh Hùng	125,000	4	500,000	
39	Nguyễn Hoàng Bảo Anh	125,000	4	500,000	
40	Hoàng Văn Thành	125,000	4	500,000	

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG THPT LƯƠNG THẾ VINH

Biểu số 2 NCL



DANH SÁCH HỌC SINH ĐỀ NGHỊ CẤP HỖ TRỢ HỌC PHÍ LỚP 10A5

Năm học 2025-2026 (Từ tháng 9 đến tháng 12 năm 2025)

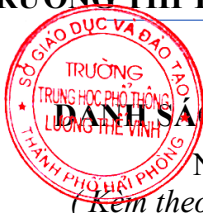
(Kèm theo Quyết định số 83/QĐ-THPTLTV ngày 21 tháng 11 năm 2025 của Trường THPT Lương Thế Vinh)

TT	Họ và tên học sinh	Mức học phí đề nghị hỗ trợ/tháng (đồng)	Số tháng	Tổng kinh phí đề nghị hỗ trợ (đồng)	Ghi chú
	Tổng số: 38			19,000,000	
C	Học sinh THPT				
I	Học sinh thành thị				
1	Bùi Hà Tuấn Anh	125,000	4	500,000	
2	Bùi Phạm Phương Anh	125,000	4	500,000	
3	Đặng Thị Phương Anh	125,000	4	500,000	
4	Hoàng Lê Quỳnh Anh	125,000	4	500,000	
5	Phạm Quang Hoàng Anh	125,000	4	500,000	
6	Nguyễn Gia Bảo	125,000	4	500,000	
7	Phạm Minh Châu	125,000	4	500,000	
8	Bùi Thị Khánh Chi	125,000	4	500,000	
9	Nguyễn Khánh Chi	125,000	4	500,000	
10	Nguyễn Anh Duy	125,000	4	500,000	
11	Phạm Tiến Đạt	125,000	4	500,000	
12	Ngô Hoàng Minh Đức	125,000	4	500,000	
13	Nguyễn Minh Hằng	125,000	4	500,000	
14	Phạm Thu Hiền	125,000	4	500,000	
15	Nguyễn Hoàng Hiệp	125,000	4	500,000	
16	Vũ Trung Hiếu	125,000	4	500,000	

17	Lê Mạnh Hùng	125,000	4	500,000	
18	Lương Khánh Huyền	125,000	4	500,000	
19	Vũ Nguyên Khang	125,000	4	500,000	
20	Vũ Cao Huy Khánh	125,000	4	500,000	
21	Vũ Đăng Khoa	125,000	4	500,000	
22	Đinh Phú Hoàng Lâm	125,000	4	500,000	
23	Nguyễn Hà Linh	125,000	4	500,000	
24	Trần Tiến Long	125,000	4	500,000	
25	Lê Khánh Ly	125,000	4	500,000	
26	Lương Ngọc Mai	125,000	4	500,000	
27	Đoàn Trà Mi	125,000	4	500,000	
28	Hoàng Minh Nhân	125,000	4	500,000	
29	Đào Uyển Nhi	125,000	4	500,000	
30	Phạm Thị Yến Nhi	125,000	4	500,000	
31	Nguyễn Quang Thái	125,000	4	500,000	
32	Lê Hoàng Gia Thụ	125,000	4	500,000	
33	Đặng Quyết Trí	125,000	4	500,000	
34	Đỗ Hoàng Minh Trí	125,000	4	500,000	
35	Phạm Hà Trường	125,000	4	500,000	
36	Nguyễn Tường Vy	125,000	4	500,000	
37	Nguyễn Trung Quân	125,000	4	500,000	
38	Phùng Thanh Hải	125,000	4	500,000	

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG THPT LƯƠNG THẾ VINH

Biểu số 2 NCL



DANH SÁCH HỌC SINH ĐỀ NGHỊ CẤP HỖ TRỢ HỌC PHÍ LỚP 11B1

Năm học 2025-2026 (Từ tháng 9 đến tháng 12 năm 2025)
(Kèm theo Quyết định số 83/QĐ-THPTLTV ngày 21 tháng 11 năm 2025 của Trường THPT Lương Thế Vinh)

TT	Họ và tên học sinh	Mức học phí đề nghị hỗ trợ/tháng (đồng)	Số tháng	Tổng kinh phí đề nghị hỗ trợ (đồng)	Ghi chú
	Tổng số: 40			20,000,000	
C	Học sinh THPT				
I	Học sinh thành thị				
1	Mai Hoàng Bảo An	125,000	4	500,000	
2	Nguyễn Ngọc Anh	125,000	4	500,000	
3	Trần Thị Minh Anh	125,000	4	500,000	
4	Phạm Hoàng Kim Bách	125,000	4	500,000	
5	Nguyễn Văn Bảo	125,000	4	500,000	
6	Nguyễn Duy Chương	125,000	4	500,000	
7	Nguyễn Hoàng Dũng	125,000	4	500,000	
8	Phạm Đức Duy	125,000	4	500,000	
9	Đỗ Minh Dương	125,000	4	500,000	
10	Vũ Tiến Đạt	125,000	4	500,000	
11	Nguyễn Hữu Anh Đức	125,000	4	500,000	
12	Nguyễn Văn Minh Đức	125,000	4	500,000	
13	Phạm Minh Đức	125,000	4	500,000	
14	Nguyễn Trường Giang	125,000	4	500,000	
15	Nguyễn Bảo Hân	125,000	4	500,000	
16	Vũ Văn Hiếu	125,000	4	500,000	
17	Nguyễn Gia Huy	125,000	4	500,000	
18	Nguyễn Hồ Gia Huy	125,000	4	500,000	
19	Trần Lâm Hương	125,000	4	500,000	
20	Nguyễn Việt Khoa	125,000	4	500,000	

21	Nguyễn Bá Lộc	125,000	4	500,000	
22	Đào Đức Mạnh	125,000	4	500,000	
23	Đào Kỳ May	125,000	4	500,000	
24	Nguyễn Quang Minh	125,000	4	500,000	
25	Đinh Ngọc Thảo My	125,000	4	500,000	
26	Nguyễn Công Bảo Nam	125,000	4	500,000	
27	Nguyễn Hoàng Nam	125,000	4	500,000	
28	Mai Nguyễn Hà Phương	125,000	4	500,000	
29	Nguyễn Khánh Phương	125,000	4	500,000	
30	Phạm Minh Trường Sơn	125,000	4	500,000	
31	Bùi Khánh Thành	125,000	4	500,000	
32	Nguyễn Trọng Thành	125,000	4	500,000	
33	Đặng Thế Tiến	125,000	4	500,000	
34	Nguyễn Minh Trang	125,000	4	500,000	
35	Nguyễn Khánh Trâm	125,000	4	500,000	
36	Nguyễn Duy Trường	125,000	4	500,000	
37	Ngô Đoàn Anh Tú	125,000	4	500,000	
38	Bùi Trang Vy	125,000	4	500,000	
39	Vũ Phương Uyên	125,000	4	500,000	
40	Nguyễn Tuệ Anh	125,000	4	500,000	



DANH SÁCH HỌC SINH ĐỀ NGHỊ CẤP HỖ TRỢ HỌC PHÍ LỚP 11B2

Năm học 2025-2026 (Từ tháng 9 đến tháng 12 năm 2025)
(Kèm theo Quyết định số 83/QĐ-THPTLTV ngày 21 tháng 11 năm 2025 của Trường THPT Lương Thế Vinh)

TT	Họ và tên học sinh	Mức học phí đề nghị hỗ trợ/tháng (đồng)	Số tháng	Tổng kinh phí đề nghị hỗ trợ (đồng)	Ghi chú
	Tổng số: 41			20,500,000	
C	Học sinh THPT				
I	Học sinh thành thị				
1	Bùi Đức Anh	125,000	4	500,000	
2	Nguyễn Hoàng Nhật Anh	125,000	4	500,000	
3	Nguyễn Thị Mai Anh	125,000	4	500,000	
4	Nguyễn Tuấn Anh	125,000	4	500,000	
5	Vũ Hoàng Hải Anh	125,000	4	500,000	
6	Đình Thái Bảo	125,000	4	500,000	
7	Nguyễn Ngọc Minh Châu	125,000	4	500,000	
8	Lưu Thành Đạt	125,000	4	500,000	
9	Trần Minh Đạt	125,000	4	500,000	
10	Bùi Lê Đức	125,000	4	500,000	
11	Nguyễn Minh Đức	125,000	4	500,000	
12	Ngô Dương Hà	125,000	4	500,000	
13	Hoàng Ngọc Hải	125,000	4	500,000	
14	Nguyễn Hữu Hải	125,000	4	500,000	
15	Phạm Ngọc Hải	125,000	4	500,000	
16	Nguyễn Vũ Diệu Hiền	125,000	4	500,000	

17	Lê Trung Hiếu	125,000	4	500,000	
18	Nguyễn Minh Hiếu	125,000	4	500,000	
19	Đặng Phúc Duy Hoàng	125,000	4	500,000	
20	Đinh Mạnh Hùng	125,000	4	500,000	
21	Nguyễn Ngọc Huyền	125,000	4	500,000	
22	Trịnh Gia Hưng	125,000	4	500,000	
23	Phạm Công Khánh	125,000	4	500,000	
24	Phạm Văn Khánh	125,000	4	500,000	
25	Đào Tùng Lâm	125,000	4	500,000	
26	Đỗ Lê Thảo Linh	125,000	4	500,000	
27	Nguyễn Khánh Linh	125,000	4	500,000	
28	Vương Thị Thùy Linh	125,000	4	500,000	
29	Trịnh Quang Lợi	125,000	4	500,000	
30	Tạ Tuấn Minh	125,000	4	500,000	
31	Lê Đình Nam	125,000	4	500,000	
32	Nguyễn Thị Bảo Ngân	125,000	4	500,000	
33	Trần Bảo Ngọc	125,000	4	500,000	
34	Vũ Hoàng Ngọc Nhi	125,000	4	500,000	
35	Phạm Hồng Phú	125,000	4	500,000	
36	Đỗ Mai Phương	125,000	4	500,000	
37	Trần Duy Phương	125,000	4	500,000	
38	Đỗ Minh Sang	125,000	4	500,000	
39	Trần Minh Tú	125,000	4	500,000	
40	Bùi Văn Tuấn	125,000	4	500,000	
41	Nguyễn Duy Bách	125,000	4	500,000	

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG THPT LƯƠNG THẾ VINH

Biểu số 2 NCL



DANH SÁCH HỌC SINH ĐỀ NGHỊ CẤP HỖ TRỢ HỌC PHÍ LỚP 11B3

Năm học 2025-2026 (Từ tháng 9 đến tháng 12 năm 2025)
(Kèm theo Quyết định số 83/QĐ-THPTLTV ngày 21 tháng 11 năm 2025 của Trường THPT Lương Thế Vinh)

TT	Họ và tên học sinh	Mức học phí đề nghị hỗ trợ/tháng (đồng)	Số tháng	Tổng kinh phí đề nghị hỗ trợ (đồng)	Ghi chú
	Tổng số: 41			20,500,000	
C	Học sinh THPT				
I	Học sinh thành thị				
1	Bùi Thiên An	125,000	4	500,000	
2	Bùi Văn Quang Anh	125,000	4	500,000	
3	Trần Minh Đức Anh	125,000	4	500,000	
4	Nguyễn Quang Bách	125,000	4	500,000	
5	Đào Thị Ngọc Bích	125,000	4	500,000	
6	Lưu Quỳnh Chi	125,000	4	500,000	
7	Vũ Nhật Cường	125,000	4	500,000	
8	Nguyễn Thùy Dung	125,000	4	500,000	
9	Dương Trường Anh Đức	125,000	4	500,000	
10	Vũ Minh Hòa	125,000	4	500,000	
11	Đàm Mai Hương	125,000	4	500,000	
12	Nguyễn Thụy Khanh	125,000	4	500,000	
13	Lê Minh Quốc Khánh	125,000	4	500,000	
14	Trần Ngân Khánh	125,000	4	500,000	
15	Nguyễn Đức Khoa	125,000	4	500,000	
16	Lê Thị Yến Lâm	125,000	4	500,000	
17	Nguyễn Tùng Lâm	125,000	4	500,000	
18	Đinh Mai Linh	125,000	4	500,000	
19	Mai Phương Khánh Linh	125,000	4	500,000	
20	Nguyễn Phương Linh	125,000	4	500,000	

21	Vũ Trọng Linh	125,000	4	500,000	
22	Vũ Văn Linh	125,000	4	500,000	
23	Phạm Khánh Ly	125,000	4	500,000	
24	Nguyễn Trà Mỹ	125,000	4	500,000	
25	Trần Thị Thúy Nga	125,000	4	500,000	
26	Nguyễn Hoàng Ngân	125,000	4	500,000	
27	Phạm Minh Ngân	125,000	4	500,000	
28	Phạm Minh Ngọc	125,000	4	500,000	
29	Phan Khánh Ngọc	125,000	4	500,000	
30	Trần Khánh Ngọc	125,000	4	500,000	
31	Nguyễn Vũ Thảo Nhi	125,000	4	500,000	
32	Phạm Yến Nhi	125,000	4	500,000	
33	Phạm Hà Phương	125,000	4	500,000	
34	Nguyễn Trang Hà Tâm	125,000	4	500,000	
35	Phạm Thủy Tiên	125,000	4	500,000	
36	Nguyễn Khánh Toàn	125,000	4	500,000	
37	Phạm Phú Trọng	125,000	4	500,000	
38	Lê Công Anh Tuấn	125,000	4	500,000	
39	Lê Gia Vân	125,000	4	500,000	
40	Giang Thành Vũ	125,000	4	500,000	
41	Nguyễn Kiều Vy	125,000	4	500,000	



DANH SÁCH HỌC SINH ĐỀ NGHỊ CẤP HỖ TRỢ HỌC PHÍ LỚP 11B4

Năm học 2025-2026 (Từ tháng 9 đến tháng 12 năm 2025)
(Kèm theo Quyết định số 83/QĐ-THPTLTV ngày 21 tháng 11 năm 2025 của Trường THPT Lương Thế Vinh)

TT	Họ và tên học sinh	Mức học phí đề nghị hỗ trợ/tháng (đồng)	Số tháng	Tổng kinh phí đề nghị hỗ trợ (đồng)	Ghi chú
	Tổng số: 40			20,000,000	
C	Học sinh THPT				
I	Học sinh thành thị				
1	Đồng Ngọc Anh	125,000	4	500,000	
2	Nguyễn Đức Anh	125,000	4	500,000	
3	Nguyễn Ngọc Anh	125,000	4	500,000	
4	Phạm Thị Thùy Anh	125,000	4	500,000	
5	Trần Hải Anh	125,000	4	500,000	
6	Đỗ Gia Bảo	125,000	4	500,000	
7	Trần Minh Châu	125,000	4	500,000	
8	Phạm Vân Chi	125,000	4	500,000	
9	Trịnh Thành Công	125,000	4	500,000	
10	Nguyễn Công Đạt	125,000	4	500,000	
11	Đinh Hương Giang	125,000	4	500,000	
12	Nguyễn Thị Hải Hà	125,000	4	500,000	
13	Đào Thị Khánh Linh	125,000	4	500,000	
14	Ngô Tiểu Long	125,000	4	500,000	
15	Nguyễn Bảo Long	125,000	4	500,000	
16	Ngô Đức Mạnh	125,000	4	500,000	
17	Vũ Đức Mạnh	125,000	4	500,000	
18	Đào Gia Minh	125,000	4	500,000	
19	Trương Nhật Minh	125,000	4	500,000	
20	Nguyễn Hà My	125,000	4	500,000	

21	Tạ Bảo Nam	125,000	4	500,000	
22	Trần Bảo Nam	125,000	4	500,000	
23	Vũ Phạm Hải Nam	125,000	4	500,000	
24	Nguyễn Thị Kim Ngân	125,000	4	500,000	
25	Nguyễn Thiên Ngân	125,000	4	500,000	
26	Phạm Minh Ngọc	125,000	4	500,000	
27	Nguyễn Thảo Nhi	125,000	4	500,000	
28	Trần Thị Minh Ngọc	125,000	4	500,000	
29	Nguyễn Thị Yến Nhi	125,000	4	500,000	
30	Dư Hoàng Phúc	125,000	4	500,000	
31	Nguyễn Minh Phương	125,000	4	500,000	
32	Trần Lệ Quyên	125,000	4	500,000	
33	Nguyễn Ngọc Quỳnh	125,000	4	500,000	
34	Trần Anh Thu	125,000	4	500,000	
35	Nguyễn Thu Trang	125,000	4	500,000	
36	Bùi Anh Tiến	125,000	4	500,000	
37	Nguyễn Thảo Vi	125,000	4	500,000	
38	Trần Đan Vy	125,000	4	500,000	
39	Phạm Thị Hải Yến	125,000	4	500,000	
40	Trần Hải Yến	125,000	4	500,000	



DANH SÁCH HỌC SINH ĐỀ NGHỊ CẤP HỖ TRỢ HỌC PHÍ LỚP 11B5

Năm học 2025-2026 (Từ tháng 9 đến tháng 12 năm 2025)
(Kèm theo Quyết định số 83/QĐ-THPTLTV ngày 21 tháng 11 năm 2025 của Trường THPT Lương Thế Vinh)

TT	Họ và tên học sinh	Mức học phí đề nghị hỗ trợ/tháng (đồng)	Số tháng	Tổng kinh phí đề nghị hỗ trợ (đồng)	Ghi chú
	Tổng số: 39			19,500,000	
C	Học sinh THPT				
I	Học sinh thành thị				
1	Bùi Huy Anh	125,000	4	500,000	
2	Dương Huyền Anh	125,000	4	500,000	
3	Dương Quỳnh Anh	125,000	4	500,000	
4	Lê Quỳnh Anh	125,000	4	500,000	
5	Nguyễn Hoàng Anh	125,000	4	500,000	
6	Nguyễn Thị Phương Anh	125,000	4	500,000	
7	Nguyễn Vũ Phương Anh	125,000	4	500,000	
8	Trần Đức Anh	125,000	4	500,000	
9	Vũ Quỳnh Anh	125,000	4	500,000	
10	Hà Kim Chi	125,000	4	500,000	
11	Nguyễn Ngọc An Chi	125,000	4	500,000	
12	Nguyễn Hải Dương	125,000	4	500,000	
13	Nguyễn Quang Đại	125,000	4	500,000	
14	Nguyễn Hoàng Đan	125,000	4	500,000	
15	Hà Thành Đạt	125,000	4	500,000	
16	Trần Gia Hân	125,000	4	500,000	

17	Bùi Minh Huyền	125,000	4	500,000	
18	Bùi Ngọc Huyền	125,000	4	500,000	
19	Vũ Ngọc Khánh Huyền	125,000	4	500,000	
20	Phan Thị Minh Khuê	125,000	4	500,000	
21	Zhang Việt Liên	125,000	4	500,000	
22	Lê Thị Hà Linh	125,000	4	500,000	
23	Nguyễn Ngọc Hiền Linh	125,000	4	500,000	
24	Nguyễn Thị Mỹ Linh	125,000	4	500,000	
25	Ngô Hiếu Minh	125,000	4	500,000	
26	Nguyễn Kim Ngân	125,000	4	500,000	
27	Phạm Thu Ngân	125,000	4	500,000	
28	Trần Ánh Ngọc	125,000	4	500,000	
29	Ninh Đức Gia Phong	125,000	4	500,000	
30	Nguyễn Bảo Phúc	125,000	4	500,000	
31	Phan Gia Quyên	125,000	4	500,000	
32	Nguyễn Thị Minh Tâm	125,000	4	500,000	
33	Bùi Thanh Thảo	125,000	4	500,000	
34	Lê Văn Thắng	125,000	4	500,000	
35	Trần Bùi Minh Thương	125,000	4	500,000	
36	Vũ Thùy Trang	125,000	4	500,000	
37	Phạm Thị Thanh Uyên	125,000	4	500,000	
38	Trần Phương Uyên	125,000	4	500,000	
39	Đỗ Lê Hải Yến	125,000	4	500,000	



DANH SÁCH HỌC SINH ĐỀ NGHỊ CẤP HỖ TRỢ HỌC PHÍ LỚP 11B6

Năm học 2025-2026 (Từ tháng 9 đến tháng 12 năm 2025)

(Kèm theo Quyết định số 83/QĐ-THPTLTV ngày 21 tháng 11 năm 2025 của Trường THPT Lương Thế Vinh)

TT	Họ và tên học sinh	Mức học phí đề nghị hỗ trợ/tháng (đồng)	Số tháng	Tổng kinh phí đề nghị hỗ trợ (đồng)	Ghi chú
	Tổng số: 43			21,500,000	
C	Học sinh THPT				
I	Học sinh thành thị				
1	Đào Bá Thái An	125,000	4	500,000	
2	Bùi Đức Anh	125,000	4	500,000	
3	Cao Phương Anh	125,000	4	500,000	
4	Đỗ Thị Ngọc Anh	125,000	4	500,000	
5	Lê Đức Anh	125,000	4	500,000	
6	Nguyễn Tuấn Anh	125,000	4	500,000	
7	Phùng Phương Anh	125,000	4	500,000	
8	Trần Trọng Bách	125,000	4	500,000	
9	Vũ Bằng Bằng	125,000	4	500,000	
10	Bùi Thành Công	125,000	4	500,000	
11	Huỳnh Dương Minh Đạt	125,000	4	500,000	
12	Đặng Hữu Đức	125,000	4	500,000	
13	Lê Ngọc Hải Hà	125,000	4	500,000	
14	Phạm Minh Hải	125,000	4	500,000	
15	Đồng Bảo Hân	125,000	4	500,000	
16	Lưu Đức Hiệp	125,000	4	500,000	

17	Bùi Thị Ngọc Hoa	125,000	4	500,000	
18	Bùi Việt Hoàn	125,000	4	500,000	
19	Hồ Ngọc Huyền	125,000	4	500,000	
20	Nguyễn Hữu Hưng	125,000	4	500,000	
21	Nguyễn Tuấn Hưng	125,000	4	500,000	
22	Trịnh Xuân Hưng	125,000	4	500,000	
23	Đỗ Đức Khôi	125,000	4	500,000	
24	Trần Đức Lâm	125,000	4	500,000	
25	Lê Ngọc Linh	125,000	4	500,000	
26	Đặng Ngọc Diệu Ly	125,000	4	500,000	
27	Phạm Thanh Mai	125,000	4	500,000	
28	Vũ Hải Nam	125,000	4	500,000	
29	Nguyễn Thảo Ngọc	125,000	4	500,000	
30	Đỗ Nhi Nguyệt	125,000	4	500,000	
31	Trần Thái Sơn	125,000	4	500,000	
32	Nguyễn Công Thành	125,000	4	500,000	
33	Vũ Đức Thắng	125,000	4	500,000	
34	Nguyễn Vinh Thông	125,000	4	500,000	
35	Trần Anh Thư	125,000	4	500,000	
36	Đàm Thị Minh Trang	125,000	4	500,000	
37	Ngô Minh Trang	125,000	4	500,000	
38	Vũ Nguyễn Thiên Trang	125,000	4	500,000	
39	Trần Mạnh Tuấn	125,000	4	500,000	
40	Quản Nguyễn Hưng Tường	125,000	4	500,000	
41	Nguyễn Đức Vượng	125,000	4	500,000	
42	Hoàng Vũ Hải Yến	125,000	4		

				500,000	
43	Bùi Thanh Hải	125,000	4	500,000	

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG THPT LƯƠNG THẾ VINH

Biểu số 2 NCL



DANH SÁCH HỌC SINH ĐỀ NGHỊ CẤP HỖ TRỢ HỌC PHÍ LỚP 11B7

Năm học 2025-2026 (Từ tháng 9 đến tháng 12 năm 2025)
(~~Kèm~~ theo Quyết định số 83/QĐ-THPTLTV ngày 21 tháng 11 năm 2025 của Trường THPT Lương Thế Vinh)

TT	Họ và tên học sinh	Mức học phí đề nghị hỗ trợ/tháng (đồng)	Số tháng	Tổng kinh phí đề nghị hỗ trợ (đồng)	Ghi chú
	Tổng số: 43			21,500,000	
C	Học sinh THPT				
I	Học sinh thành thị				
1	Phạm Thiên An	125,000	4	500,000	
2	Chu Thị Quỳnh Anh	125,000	4	500,000	
3	Đỗ Đức Anh	125,000	4	500,000	
4	Phạm Hữu Việt Anh	125,000	4	500,000	
5	Trần Ngọc Hà Anh	125,000	4	500,000	
6	Trần Tăng Đức Anh	125,000	4	500,000	
7	Nguyễn Bảo Châu	125,000	4	500,000	
8	Vũ Mạnh Cường	125,000	4	500,000	
9	Lê Quang Dũng	125,000	4	500,000	
10	Phạm Đức Duy	125,000	4	500,000	
11	Nguyễn Thuỳ Dương	125,000	4	500,000	
12	Vũ Đức Dương	125,000	4	500,000	
13	Phạm Đoàn Thành Đạt	125,000	4	500,000	
14	Phạm Hương Giang	125,000	4	500,000	
15	Nguyễn Thị Ngọc Hà	125,000	4	500,000	
16	Nguyễn Gia Hân	125,000	4	500,000	

17	Nguyễn Ngọc Gia Hân	125,000	4	500,000	
18	Cao Thị Hiền	125,000	4	500,000	
19	Phạm Khánh Huyền	125,000	4	500,000	
20	Phạm Gia Khánh	125,000	4	500,000	
21	Nguyễn Vũ Tùng Lâm	125,000	4	500,000	
22	Vũ Khánh Linh	125,000	4	500,000	
23	Vũ Minh Long	125,000	4	500,000	
24	Đào Đức Mạnh	125,000	4	500,000	
25	Đỗ Gia Minh	125,000	4	500,000	
26	Nguyễn Ngọc Minh	125,000	4	500,000	
27	Hoàng Đình Nghĩa	125,000	4	500,000	
28	Nguyễn Bảo Ngọc	125,000	4	500,000	
29	Nguyễn Hoàng Phong	125,000	4	500,000	
30	Nguyễn Thu Phương	125,000	4	500,000	
31	Đoàn Ngọc Tấn	125,000	4	500,000	
32	Hoàng Phúc Thi	125,000	4	500,000	
33	Đào Trần Anh Thư	125,000	4	500,000	
34	Nguyễn Anh Thư	125,000	4	500,000	
35	Nguyễn Anh Thư	125,000	4	500,000	
36	Ngô Duy Toàn	125,000	4	500,000	
37	Nguyễn Minh Trang	125,000	4	500,000	
38	Nguyễn Đức Trí	125,000	4	500,000	
39	Phạm Thanh Vân	125,000	4	500,000	
40	Phùng Phương Anh	125,000	4	500,000	
41	Lê Gia Huy	125,000	4	500,000	
42	Nguyễn Tuấn Duy	125,000	4		

				500,000	
43	Nguyễn Lê Phương Anh	125,000	4	500,000	

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG THPT LƯƠNG THẾ VINH

Biểu số 2 NCL



DANH SÁCH HỌC SINH ĐỀ NGHỊ CẤP HỖ TRỢ HỌC PHÍ LỚP 11B8

Năm học 2025-2026 (Từ tháng 9 đến tháng 12 năm 2025)

(*Kèm theo Quyết định số 83/QĐ-THPTLTV ngày 21 tháng 11 năm 2025 của Trường THPT Lương Thế Vinh*)

TT	Họ và tên học sinh	Mức học phí đề nghị hỗ trợ/tháng (đồng)	Số tháng	Tổng kinh phí đề nghị hỗ trợ (đồng)	Ghi chú
	Tổng số: 42			21,000,000	
C	Học sinh THPT				
I	Học sinh thành thị				
1	Đào Tuấn Anh	125,000	4	500,000	
2	Đinh Vũ Quốc Anh	125,000	4	500,000	
3	Lê Đức Anh	125,000	4	500,000	
4	Lê Quốc Anh	125,000	4	500,000	
5	Nguyễn Đức Anh	125,000	4	500,000	
6	Phạm Quỳnh Anh	125,000	4	500,000	
7	Phạm Hồng Ánh	125,000	4	500,000	
8	Lê Vũ Gia Bảo	125,000	4	500,000	
9	Đặng Ngọc Thái Dương	125,000	4	500,000	
10	Đoàn Ánh Dương	125,000	4	500,000	
11	Phạm Hoàng Hải	125,000	4	500,000	
12	Nguyễn Hoàng Hiệp	125,000	4	500,000	
13	Lương Văn Mạnh Hiếu	125,000	4	500,000	
14	Đỗ Gia Huy	125,000	4	500,000	
15	Nguyễn Gia Huy	125,000	4	500,000	
16	Phạm Thị Khánh Huyền	125,000	4	500,000	
17	Đặng Gia Khánh	125,000	4	500,000	
18	Đỗ Tuấn Kiệt	125,000	4	500,000	
19	Nguyễn Phương Linh	125,000	4	500,000	
20	Phạm Thùy Linh	125,000	4	500,000	

21	Trịnh Huệ Linh	125,000	4	500,000	
22	Trần Công Minh	125,000	4	500,000	
23	Trần Nhật Minh	125,000	4	500,000	
24	Nguyễn Trà My	125,000	4	500,000	
25	Nguyễn Trà My	125,000	4	500,000	
26	Nguyễn Lê Yến Nhi	125,000	4	500,000	
27	Đặng Thị Huyền Phương	125,000	4	500,000	
28	Vũ Ngọc Quang	125,000	4	500,000	
29	Vũ Phương Thảo	125,000	4	500,000	
30	Nguyễn Phương Thủy	125,000	4	500,000	
31	Nguyễn Minh Thư	125,000	4	500,000	
32	Vũ Thị Anh Thư	125,000	4	500,000	
33	Vũ Trần Anh Thư	125,000	4	500,000	
34	Quách Văn Tiến	125,000	4	500,000	
35	Nguyễn Quỳnh Trang	125,000	4	500,000	
36	Phùng Minh Trí	125,000	4	500,000	
37	Đào Anh Tú	125,000	4	500,000	
38	Hoàng Hiếu Vy	125,000	4	500,000	
39	Lê Huyền Vy	125,000	4	500,000	
40	Nguyễn Thị Ánh Vy	125,000	4	500,000	
41	Nguyễn Văn Mạnh	125,000	4	500,000	
42	Nguyễn Trí Đại	125,000	4	500,000	

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG THPT LƯƠNG THẾ VINH

Biểu số 2 NCL



DANH SÁCH HỌC SINH ĐỀ NGHỊ CẤP HỖ TRỢ HỌC PHÍ LỚP 11B9

Năm học 2025-2026 (Từ tháng 9 đến tháng 12 năm 2025)
(Kèm theo Quyết định số 83/QĐ-THPTLV ngày 21 tháng 11 năm 2025 của Trường THPT Lương Thế Vinh)

TT	Họ và tên học sinh	Mức học phí đề nghị hỗ trợ/tháng (đồng)	Số tháng	Tổng kinh phí đề nghị hỗ trợ (đồng)	Ghi chú
	Tổng số: 37			18,500,000	
C	Học sinh THPT				
I	Học sinh thành thị				
1	Lê Phương Anh	125,000	4	500,000	
2	Phạm Hoàng Hải Anh	125,000	4	500,000	
3	Trần Tú Anh	125,000	4	500,000	
4	Vũ Bảo Ngọc Bích	125,000	4	500,000	
5	Đỗ Thanh Bình	125,000	4	500,000	
6	Đỗ Thuỳ Chi	125,000	4	500,000	
7	Võ Ngọc Chi	125,000	4	500,000	
8	Vũ Đình Cường	125,000	4	500,000	
9	Hoàng Viết Minh Dương	125,000	4	500,000	
10	Nguyễn Tiến Đạt	125,000	4	500,000	
11	Trần Ngọc Đạt	125,000	4	500,000	
12	Nguyễn Anh Đức	125,000	4	500,000	
13	Trần Viết Đức	125,000	4	500,000	
14	Nguyễn Gia Hiếu	125,000	4	500,000	
15	Trần Mạnh Hiếu	125,000	4	500,000	
16	Nguyễn Duy Hưng	125,000	4	500,000	

17	Bùi Thu Hương	125,000	4	500,000	
18	Nguyễn Nhật Lâm	125,000	4	500,000	
19	Ngô Nhật Linh	125,000	4	500,000	
20	Chu Quang Minh	125,000	4	500,000	
21	Đỗ Tuấn Minh	125,000	4	500,000	
22	Đoàn Đức Nam	125,000	4	500,000	
23	Lê Nguyễn Bảo Nam	125,000	4	500,000	
24	Vũ Gia Nhi	125,000	4	500,000	
25	Bùi Lê Quỳnh Như	125,000	4	500,000	
26	Đỗ Hoàng Phong	125,000	4	500,000	
27	Cao Vũ Hồng Phúc	125,000	4	500,000	
28	Nguyễn Cúc Phương	125,000	4	500,000	
29	Phạm Thúy Quỳnh	125,000	4	500,000	
30	Doãn Công Sự	125,000	4	500,000	
31	Nguyễn Đức Thành	125,000	4	500,000	
32	Vũ Thanh Thảo	125,000	4	500,000	
33	Trần Ngọc Thiện	125,000	4	500,000	
34	Trần Thị Hà Trang	125,000	4	500,000	
35	Nguyễn Khánh Trân	125,000	4	500,000	
36	Hoàng Mạnh Tùng	125,000	4	500,000	
37	Phạm Thị Thanh Hà	125,000	4	500,000	



DANH SÁCH HỌC SINH ĐỀ NGHỊ CẤP HỖ TRỢ HỌC PHÍ LỚP 12C1

Năm học 2025-2026 (Từ tháng 9 đến tháng 12 năm 2025)
(Kèm theo Quyết định số 83/QĐ-THPTLTV ngày 21 tháng 11 năm 2025 của Trường THPT Lương Thế Vinh)

TT	Họ và tên học sinh	Mức học phí đề nghị hỗ trợ/tháng (đồng)	Số tháng	Tổng kinh phí đề nghị hỗ trợ (đồng)	Ghi chú
	Tổng số: 35			17,500,000	
C	Học sinh THPT				
I	Học sinh thành thị				
1	Nguyễn Lương Phương Anh	125,000	4	500,000	
2	Nguyễn Thị Thảo Anh	125,000	4	500,000	
3	Phạm Thị Ngọc Anh	125,000	4	500,000	
4	Vũ Ngọc Quỳnh Anh	125,000	4	500,000	
5	Vũ Phương Anh	125,000	4	500,000	
6	Đặng Tuấn Dũng	125,000	4	500,000	
7	Lê Hùng Dũng	125,000	4	500,000	
8	Nguyễn Thùy Dương	125,000	4	500,000	
9	Trần Xuân Đức	125,000	4	500,000	
10	Nguyễn Thị Thu Hà	125,000	4	500,000	
11	Nguyễn Thu Hiền	125,000	4	500,000	
12	Nguyễn Đức Gia Hòa	125,000	4	500,000	
13	Đoàn Thị Thu Huyền	125,000	4	500,000	
14	Nguyễn Danh Khôi	125,000	4	500,000	
15	Nguyễn Thị Mai Lan	125,000	4	500,000	
16	Đoàn Hà Linh	125,000	4	500,000	

17	Lương Thị Lụa	125,000	4	500,000	
18	Đặng Tuấn Minh	125,000	4	500,000	
19	Cao Hải Nam	125,000	4	500,000	
20	Trần Bảo Ngân	125,000	4	500,000	
21	Nguyễn Minh Ngọc	125,000	4	500,000	
22	Trần Thị Bảo Ngọc	125,000	4	500,000	
23	Phạm Yến Nhi	125,000	4	500,000	
24	Bùi Minh Phương	125,000	4	500,000	
25	Mai Nguyễn Hoàng Phương	125,000	4	500,000	
26	Nguyễn Hà Phương	125,000	4	500,000	
27	Phạm Công Đức Quang	125,000	4	500,000	
28	Nguyễn Thị Bảo Tâm	125,000	4	500,000	
29	Nguyễn Thị Thanh Thảo	125,000	4	500,000	
30	Bùi Anh Thư	125,000	4	500,000	
31	Nguyễn Thanh Thư	125,000	4	500,000	
32	Đồng Minh Trang	125,000	4	500,000	
33	Trương Thị Hà Trang	125,000	4	500,000	
34	Đặng Vũ Bảo Trâm	125,000	4	500,000	
35	Nguyễn Minh Vy	125,000	4	500,000	



DANH SÁCH HỌC SINH ĐỀ NGHỊ CẤP HỖ TRỢ HỌC PHÍ LỚP 12C2

Năm học 2025-2026 (Từ tháng 9 đến tháng 12 năm 2025)
(Kèm theo Quyết định số 83/QĐ-THPTLTV ngày 21 tháng 11 năm 2025 của Trường THPT Lương Thế Vinh)

TT	Họ và tên học sinh	Mức học phí đề nghị hỗ trợ/tháng (đồng)	Số tháng	Tổng kinh phí đề nghị hỗ trợ (đồng)	Ghi chú
	Tổng số: 45			22,500,000	
C	Học sinh THPT				
I	Học sinh thành thị				
1	Lưu Đức Anh	125,000	4	500,000	
2	Vũ Thị Vân Anh	125,000	4	500,000	
3	Thạch Thị Minh Ánh	125,000	4	500,000	
4	Từ Minh Ánh	125,000	4	500,000	
5	Đặng Gia Bảo	125,000	4	500,000	
6	Hoàng Gia Bảo	125,000	4	500,000	
7	Bùi Nguyễn Ngọc Châm	125,000	4	500,000	
8	Trần Phương Thảo Chi	125,000	4	500,000	
9	Vũ Quỳnh Chi	125,000	4	500,000	
10	Phạm Văn Cường	125,000	4	500,000	
11	Vũ Quang Dũng	125,000	4	500,000	
12	Nguyễn Minh Đăng	125,000	4	500,000	
13	Nguyễn Châu Giang	125,000	4	500,000	
14	Trần Ngọc Hân	125,000	4	500,000	
15	Phan Huy Hoàng	125,000	4	500,000	
16	Trần Phi Hùng	125,000	4	500,000	
17	Vũ Thị Thanh Huyền	125,000	4	500,000	
18	Nguyễn Quang Hưng	125,000	4	500,000	
19	Nguyễn Quốc Khánh	125,000	4	500,000	
20	Nguyễn Văn Khánh	125,000	4	500,000	

21	Đậu Khánh Linh	125,000	4	500,000	
22	Chu Tiến Mạnh	125,000	4	500,000	
23	Nguyễn Thị Hà My	125,000	4	500,000	
24	Vũ Thị Trà My	125,000	4	500,000	
25	Trần Hoàng Bảo Ngọc	125,000	4	500,000	
26	Trần Hồng Ngọc	125,000	4	500,000	
27	Trần Hiếu Phong	125,000	4	500,000	
28	Nguyễn Đức Phú	125,000	4	500,000	
29	Trịnh Khắc Phú	125,000	4	500,000	
30	Nguyễn Ngọc Phúc	125,000	4	500,000	
31	Lâm Mỹ Phương	125,000	4	500,000	
32	Vũ Mạnh Quân	125,000	4	500,000	
33	Lê Quang Sơn	125,000	4	500,000	
34	Bùi Quốc Thành	125,000	4	500,000	
35	Lê Đức Thắng	125,000	4	500,000	
36	Đặng Anh Thư	125,000	4	500,000	
37	Vũ Mạnh Tiến	125,000	4	500,000	
38	Nguyễn Thị Huyền Trang	125,000	4	500,000	
39	Nguyễn Thu Trang	125,000	4	500,000	
40	Ngô Quang Tuấn	125,000	4	500,000	
41	Lê Thanh Tùng	125,000	4	500,000	
42	Vũ Thanh Tùng	125,000	4	500,000	
43	Phạm Đăng Vinh	125,000	4	500,000	
44	Nguyễn Hoàng Vy	125,000	4	500,000	
45	Tổng Hải Ninh	125,000	4	500,000	



DANH SÁCH HỌC SINH ĐỀ NGHỊ CẤP HỖ TRỢ HỌC PHÍ LỚP 12C3

Năm học 2025-2026 (Từ tháng 9 đến tháng 12 năm 2025)
(Kèm theo Quyết định số 83/QĐ-THPTLTV ngày 21 tháng 11 năm 2025 của Trường THPT Lương Thế Vinh)

TT	Họ và tên học sinh	Mức học phí đề nghị hỗ trợ/tháng (đồng)	Số tháng	Tổng kinh phí đề nghị hỗ trợ (đồng)	Ghi chú
	Tổng số: 39			19,500,000	
C	Học sinh THPT				
I	Học sinh thành thị				
1	Nguyễn Vũ Trường An	125,000	4	500,000	
2	Đoàn Thị Minh Anh	125,000	4	500,000	
3	Nguyễn Thúy Anh	125,000	4	500,000	
4	Nguyễn Trâm Anh	125,000	4	500,000	
5	Vũ Quốc Anh	125,000	4	500,000	
6	Vũ Thị Hà Thái Anh	125,000	4	500,000	
7	Hoàng Gia Bảo	125,000	4	500,000	
8	Dương Thị Bảo Châu	125,000	4	500,000	
9	Nguyễn Quỳnh Chi	125,000	4	500,000	
10	Vũ Thị Kim Chi	125,000	4	500,000	
11	Nguyễn Tiến Dũng	125,000	4	500,000	
12	Nguyễn Tiến Đạt	125,000	4	500,000	
13	Lê Hữu Đức	125,000	4	500,000	
14	Trần Thị Hương Giang	125,000	4	500,000	
15	Nguyễn Thanh Hà	125,000	4	500,000	
16	Đoàn Minh Hiếu	125,000	4	500,000	

17	Nguyễn Việt Hoàng	125,000	4	500,000	
18	Đặng Nhật Huy	125,000	4	500,000	
19	Phạm Nhật Huy	125,000	4	500,000	
20	Phạm Ngọc Huyền	125,000	4	500,000	
21	Bùi Ngọc Linh	125,000	4	500,000	
22	Hoàng Hà Phương Linh	125,000	4	500,000	
23	Phạm Phương Linh	125,000	4	500,000	
24	Phan Khánh Linh	125,000	4	500,000	
25	Mai Hoàng Long	125,000	4	500,000	
26	Bùi Duy Minh	125,000	4	500,000	
27	Hoàng An Nguyên	125,000	4	500,000	
28	Nguyễn Yến Nhi	125,000	4	500,000	
29	Nguyễn Anh Quân	125,000	4	500,000	
30	Lê Văn Quyền	125,000	4	500,000	
31	Đào Tô Ngọc Tân	125,000	4	500,000	
32	Trịnh Vĩnh Thành	125,000	4	500,000	
33	Nguyễn Thị Phương Thảo	125,000	4	500,000	
34	Tô Đức Thiệu	125,000	4	500,000	
35	Nguyễn Ngọc Thịnh	125,000	4	500,000	
36	Nguyễn Thanh Tiệp	125,000	4	500,000	
37	Nguyễn Quỳnh Trang	125,000	4	500,000	
38	Lê Thị Hà Vi	125,000	4	500,000	
39	Vũ Phương Vy	125,000	4	500,000	



DANH SÁCH HỌC SINH ĐỀ NGHỊ CẤP HỖ TRỢ HỌC PHÍ LỚP 12C4

Năm học 2025-2026 (Từ tháng 9 đến tháng 12 năm 2025)
(Kèm theo Quyết định số 83/QĐ-THPTLV ngày 21 tháng 11 năm 2025 của Trường THPT Lương Thế Vinh)

TT	Họ và tên học sinh	Mức học phí đề nghị hỗ trợ/tháng (đồng)	Số tháng	Tổng kinh phí đề nghị hỗ trợ (đồng)	Ghi chú
	Tổng số: 43			21,500,000	
C	Học sinh THPT				
I	Học sinh thành thị				
1	Chu Nguyễn Ngọc An	125,000	4	500,000	
2	Nguyễn Đức Anh	125,000	4	500,000	
3	Phạm Đức Anh	125,000	4	500,000	
4	Trần Ngọc Anh	125,000	4	500,000	
5	Phạm Thuỳ Chi	125,000	4	500,000	
6	Nguyễn Đức Duy	125,000	4	500,000	
7	Nguyễn Vũ Đăng Dương	125,000	4	500,000	
8	Nguyễn Văn Đại	125,000	4	500,000	
9	Đỗ Hương Giang	125,000	4	500,000	
10	Hoàng Văn Giáp	125,000	4	500,000	
11	Trần Minh Hà	125,000	4	500,000	
12	Hoàng Trung Hải	125,000	4	500,000	
13	Nguyễn Quốc Huy	125,000	4	500,000	
14	Trần Vũ Quốc Huy	125,000	4	500,000	
15	Hoàng Ngọc Huyền	125,000	4	500,000	
16	Phạm Gia Hưng	125,000	4	500,000	

17	Đỗ Hải Tâm Khang	125,000	4	500,000	
18	Vũ Tuấn Kiệt	125,000	4	500,000	
19	Hoàng Ngọc Lam	125,000	4	500,000	
20	Trần Hiếu Lam	125,000	4	500,000	
21	Đoàn Thị Ngọc Linh	125,000	4	500,000	
22	Lê Nguyễn Tố Linh	125,000	4	500,000	
23	Nguyễn Thị Hà Linh	125,000	4	500,000	
24	Đoàn Hà Diệu Ly	125,000	4	500,000	
25	Nguyễn Xuân Minh	125,000	4	500,000	
26	Phạm Tiến Minh	125,000	4	500,000	
27	Trần Viết Khánh Minh	125,000	4	500,000	
28	Bùi Thị Trà My	125,000	4	500,000	
29	Nguyễn Hà My	125,000	4	500,000	
30	Phạm Thành Nam	125,000	4	500,000	
31	Trần Trọng Nghĩa	125,000	4	500,000	
32	Đoàn Quỳnh Nhi	125,000	4	500,000	
33	Nguyễn Hoàng Bảo Nhi	125,000	4	500,000	
34	Trần Hải Quân	125,000	4	500,000	
35	Trần Đức Sơn	125,000	4	500,000	
36	Phạm Dương Duy Tân	125,000	4	500,000	
37	Phạm Thanh Thảo	125,000	4	500,000	
38	Nguyễn Thanh Thủy	125,000	4	500,000	
39	Vũ Hiếu Trung	125,000	4	500,000	
40	Nguyễn Anh Tú	125,000	4	500,000	
41	Phạm Hà Vy	125,000	4	500,000	
42	Quan Lại Như Ý		4	500,000	

		125,000			
43	Bùi Vũ Hải Yến	125,000	4	500,000	



DANH SÁCH HỌC SINH ĐỀ NGHỊ CẤP HỖ TRỢ HỌC PHÍ LỚP 12C5

Năm học 2025-2026 (Từ tháng 9 đến tháng 12 năm 2025)
(Kèm theo Quyết định số 83/QĐ-THPTLTV ngày 21 tháng 11 năm 2025 của
Trường THPT Lương Thế Vinh)

TT	Họ và tên học sinh	Mức học phí đề nghị hỗ trợ/tháng (đồng)	Số tháng	Tổng kinh phí đề nghị hỗ trợ (đồng)	Ghi chú
	Tổng số: 45			22,500,000	
C	Học sinh THPT				
I	Học sinh thành thị				
1	Nguyễn Đình Quang Anh	125,000	4	500,000	
2	Nguyễn Thế Hùng Anh	125,000	4	500,000	
3	Phan Quỳnh Anh	125,000	4	500,000	
4	Đỗ Hoàng Gia Bảo	125,000	4	500,000	
5	Cao Yến Chi	125,000	4	500,000	
6	Trần Thị Thu Cúc	125,000	4	500,000	
7	Lương Hoàng Cường	125,000	4	500,000	
8	Đinh Đại Duy	125,000	4	500,000	
9	Lê Ngọc Duy	125,000	4	500,000	
10	Bùi Thùy Dương	125,000	4	500,000	
11	Lưu Tiến Đạt	125,000	4	500,000	
12	Trần Tiến Đạt	125,000	4	500,000	
13	Hoàng Trung Hiếu	125,000	4	500,000	
14	Lê Huy Hoàng	125,000	4	500,000	
15	Nguyễn Quang Huy	125,000	4	500,000	
16	Nguyễn Tuấn Huy	125,000	4	500,000	

17	Nguyễn Vũ Bảo Khanh	125,000	4	500,000	
18	Nguyễn Ngọc Khánh	125,000	4	500,000	
19	Trương Nam Khánh	125,000	4	500,000	
20	Hoàng Ngọc Linh	125,000	4	500,000	
21	Nguyễn Khánh Linh	125,000	4	500,000	
22	Nguyễn Khánh Linh	125,000	4	500,000	
23	Trần Thị Diệu Linh	125,000	4	500,000	
24	Nguyễn Hải My	125,000	4	500,000	
25	Bùi Bảo Nam	125,000	4	500,000	
26	Nguyễn Đức Hoàng Nam	125,000	4	500,000	
27	Nguyễn Hoàng Nam	125,000	4	500,000	
28	Nguyễn Hoàng Kỳ Nam	125,000	4	500,000	
29	Vũ Thị Yến Nhi	125,000	4	500,000	
30	Phạm Thị Phương Nhung	125,000	4	500,000	
31	Đỗ Thế Phong	125,000	4	500,000	
32	Nguyễn Duy Phong	125,000	4	500,000	
33	Nguyễn Hà Phương	125,000	4	500,000	
34	Nguyễn Gia Quyền	125,000	4	500,000	
35	Vũ Phan Hồng Sơn	125,000	4	500,000	
36	Lê Thị Phương Thảo	125,000	4	500,000	
37	Nguyễn Phương Thảo	125,000	4	500,000	
38	Lê Đức Thắng	125,000	4	500,000	
39	Trần Hiếu Thuận	125,000	4	500,000	
40	Đỗ Thu Thủy	125,000	4	500,000	
41	Vũ Phương Trang	125,000	4	500,000	
42	Chu Danh Trường	125,000	4		

				500,000	
43	Nguyễn Quang Vinh	125,000	4	500,000	
44	Vũ Thành Vinh	125,000	4	500,000	
45	Nguyễn Cao Kiều Vy	125,000	4	500,000	

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG THPT LƯƠNG THẾ VINH

Biểu số 2 NCL



DANH SÁCH HỌC SINH ĐỀ NGHỊ CẤP HỖ TRỢ HỌC PHÍ LỚP 12C6

Năm học 2025-2026 (Từ tháng 9 đến tháng 12 năm 2025)
(Kèm theo Quyết định số 83/QĐ-THPTLTV ngày 21 tháng 11 năm 2025 của Trường THPT Lương Thế Vinh)

TT	Họ và tên học sinh	Mức học phí đề nghị hỗ trợ/tháng (đồng)	Số tháng	Tổng kinh phí đề nghị hỗ trợ (đồng)	Ghi chú
	Tổng số: 43			21,500,000	
C	Học sinh THPT				
I	Học sinh thành thị				
1	Đỗ Hồng Anh	125,000	4	500,000	
2	Ngô Phương Anh	125,000	4	500,000	
3	Nguyễn Quỳnh Anh	125,000	4	500,000	
4	Nguyễn Thị Ngọc Anh	125,000	4	500,000	
5	Vũ Tuấn Anh	125,000	4	500,000	
6	Lý Thái Dũng	125,000	4	500,000	
7	Đoàn Khoa Đăng	125,000	4	500,000	
8	Vũ Hà Gia Hân	125,000	4	500,000	
9	Nguyễn Minh Hoàng	125,000	4	500,000	
10	Bùi Lưu Quang Huy	125,000	4	500,000	
11	Phạm Gia Huy	125,000	4	500,000	
12	Bùi Thị Khánh Huyền	125,000	4	500,000	
13	Vũ Thanh Huyền	125,000	4	500,000	
14	Nguyễn Khánh Hưng	125,000	4	500,000	
15	Phạm Tuấn Hưng	125,000	4	500,000	
16	Cao Hoàng Nam Khánh	125,000	4	500,000	
17	Phùng Duy Khánh	125,000	4	500,000	
18	Trần Long Khôi	125,000	4	500,000	
19	Lê Minh Khuê	125,000	4	500,000	
20	Bùi Hồng Liên	125,000	4	500,000	

21	Nguyễn Phương Linh	125,000	4	500,000	
22	Vũ Thị Phương Linh	125,000	4	500,000	
23	Hoàng Thị Hà Mi	125,000	4	500,000	
24	Lê Thị Huyền My	125,000	4	500,000	
25	Hoàng Đức Nam	125,000	4	500,000	
26	Nguyễn Kim Nga	125,000	4	500,000	
27	Nguyễn Hoàng Ngân	125,000	4	500,000	
28	Trần Khôi Nguyên	125,000	4	500,000	
29	Dương Tuấn Phong	125,000	4	500,000	
30	Nguyễn Việt Phong	125,000	4	500,000	
31	Lê Đức Sơn	125,000	4	500,000	
32	Vũ Minh Thư	125,000	4	500,000	
33	Hà Nguyễn Như Thy	125,000	4	500,000	
34	Nguyễn Thu Trang	125,000	4	500,000	
35	Trần Thị Mai Trang	125,000	4	500,000	
36	Trần Thị Ngọc Trang	125,000	4	500,000	
37	Nguyễn Trần Anh Tuấn	125,000	4	500,000	
38	Lê Minh Tuệ	125,000	4	500,000	
39	Lưu Phạm Mỹ Vân	125,000	4	500,000	
40	Nguyễn Đỗ Hà Vy	125,000	4	500,000	
41	Nguyễn Hải Yến Vy	125,000	4	500,000	
42	Nguyễn Hải Yến	125,000	4	500,000	
43	Nguyễn Hoàng Yến	125,000	4	500,000	



DANH SÁCH HỌC SINH ĐỀ NGHỊ CẤP HỖ TRỢ HỌC PHÍ LỚP 12C7

Năm học 2025-2026 (Từ tháng 9 đến tháng 12 năm 2025)
(Kèm theo Quyết định số 83/QĐ-THPTLTV ngày 21 tháng 11 năm 2025 của Trường THPT Lương Thế Vinh)

TT	Họ và tên học sinh	Mức học phí đề nghị hỗ trợ/tháng (đồng)	Số tháng	Tổng kinh phí đề nghị hỗ trợ (đồng)	Ghi chú
	Tổng số: 43			21,500,000	
C	Học sinh THPT				
I	Học sinh thành thị				
1	Đoàn Văn Đức Anh	125,000	4	500,000	
2	Nguyễn Huyền Anh	125,000	4	500,000	
3	Nguyễn Phương Anh	125,000	4	500,000	
4	Phạm Đức Anh	125,000	4	500,000	
5	Phạm Tuấn Anh	125,000	4	500,000	
6	Phạm Tùng Anh	125,000	4	500,000	
7	Vũ Lê Minh Châu	125,000	4	500,000	
8	Nguyễn Ngọc Bảo Chi	125,000	4	500,000	
9	Vũ Thị Phương Dung	125,000	4	500,000	
10	Vũ Đức Dũng	125,000	4	500,000	
11	Vũ Huy Trí Dũng	125,000	4	500,000	
12	Đào Mạnh Duy	125,000	4	500,000	
13	Phạm Nam Duy	125,000	4	500,000	
14	Trần Đức Duy	125,000	4	500,000	
15	Nguyễn Thùy Dương	125,000	4	500,000	
16	Vũ Đình Đạt	125,000	4	500,000	
17	Phí Vũ Trí Đức	125,000	4	500,000	
18	Nguyễn Kiều Hạnh	125,000	4	500,000	
19	Đỗ Như Hiền	125,000	4	500,000	
20	Phạm Minh Hiền	125,000	4	500,000	

21	Dương Mỹ Hoa	125,000	4	500,000	
22	Trần Mạnh Hùng	125,000	4	500,000	
23	Ngô Quang Hưng	125,000	4	500,000	
24	Nguyễn Thị Hà Linh	125,000	4	500,000	
25	Nguyễn Bảo Long	125,000	4	500,000	
26	Đỗ Thành Luân	125,000	4	500,000	
27	Đặng Nhật Minh	125,000	4	500,000	
28	Đinh Tuệ Minh	125,000	4	500,000	
29	Nguyễn Bình Minh	125,000	4	500,000	
30	Đào Hồng Nhung	125,000	4	500,000	
31	Hạc Tiến Phúc	125,000	4	500,000	
32	Phạm Thị Minh Phương	125,000	4	500,000	
33	Đỗ Minh Quang	125,000	4	500,000	
34	Phạm Xuân Thanh	125,000	4	500,000	
35	Đỗ Xuân Thành	125,000	4	500,000	
36	Đàm Đức Thịnh	125,000	4	500,000	
37	Phạm Anh Thư (A)	125,000	4	500,000	
38	Phạm Anh Thư (B)	125,000	4	500,000	
39	Bùi Huyền Trang	125,000	4	500,000	
40	Phạm Đình Trung	125,000	4	500,000	
41	Lương Thúy Vân	125,000	4	500,000	
42	Hà Phương Vi	125,000	4	500,000	
43	Phạm Quốc Việt	125,000	4	500,000	



DANH SÁCH HỌC SINH ĐỀ NGHỊ CẤP HỖ TRỢ HỌC PHÍ LỚP 12C8

Năm học 2025-2026 (Từ tháng 9 đến tháng 12 năm 2025)
(Kèm theo Quyết định số 83/QĐ-THPTLV ngày 21 tháng 11 năm 2025 của Trường THPT Lương Thế Vinh)

TT	Họ và tên học sinh	Mức học phí đề nghị hỗ trợ/tháng (đồng)	Số tháng	Tổng kinh phí đề nghị hỗ trợ (đồng)	Ghi chú
	Tổng số: 39			19,500,000	
C	Học sinh THPT				
I	Học sinh thành thị				
1	Đào Anh Tuấn	125,000	4	500,000	
2	Đỗ Thùy Anh	125,000	4	500,000	
3	Nguyễn Ngọc Anh	125,000	4	500,000	
4	Trần Ngọc Anh	125,000	4	500,000	
5	Bùi Phương Chinh	125,000	4	500,000	
6	Nguyễn Diệu Diệu	125,000	4	500,000	
7	Hà Tiến Đạt	125,000	4	500,000	
8	Đào Ngọc Hải	125,000	4	500,000	
9	Đỗ Quang Hiến	125,000	4	500,000	
10	Nguyễn Sĩ Hiệp	125,000	4	500,000	
11	Trần Nguyễn Nhật Huy	125,000	4	500,000	
12	Tiêu Tuấn Khang	125,000	4	500,000	
13	Hoàng Tuấn Kiệt	125,000	4	500,000	
14	Lê Hùng Lâm	125,000	4	500,000	
15	Phạm Trí Lâm	125,000	4	500,000	
16	Trần Nguyễn Bảo Lâm	125,000	4	500,000	

17	Bùi Nguyễn Hoàng Linh	125,000	4	500,000	
18	Đào Khánh Linh	125,000	4	500,000	
19	Vũ Khánh Linh	125,000	4	500,000	
20	Nguyễn Đức Long	125,000	4	500,000	
21	Đoàn Văn Ngân Lượng	125,000	4	500,000	
22	Nguyễn Đức Mạnh	125,000	4	500,000	
23	Đinh Hữu Minh	125,000	4	500,000	
24	Lương Quang Minh	125,000	4	500,000	
25	Lê Nguyễn Sơn Nguyên	125,000	4	500,000	
26	Nguyễn Thảo Nhi	125,000	4	500,000	
27	Lê Hải Phúc	125,000	4	500,000	
28	Nguyễn Hà Phương	125,000	4	500,000	
29	Vũ Minh Quân	125,000	4	500,000	
30	Vũ Đức Kiến Quốc	125,000	4	500,000	
31	Nguyễn Minh Quyết	125,000	4	500,000	
32	Vũ Hồng Sơn	125,000	4	500,000	
33	Phạm Quang Thái	125,000	4	500,000	
34	Trích Đức Thiện	125,000	4	500,000	
35	Nguyễn Thành Trung	125,000	4	500,000	
36	Nguyễn Trần Hà Vi	125,000	4	500,000	
37	Mai Thế Vinh	125,000	4	500,000	
38	Trương Gia Huy	125,000	4	500,000	
39	Vũ Tiến Đạt	125,000	4	500,000	

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG THPT LƯƠNG THẾ VINH

Biểu số 2 NCL



DANH SÁCH HỌC SINH ĐỀ NGHỊ CẤP HỖ TRỢ HỌC PHÍ LỚP 12C9

Năm học 2025-2026 (Từ tháng 9 đến tháng 12 năm 2025)
(Kèm theo Quyết định số 83/QĐ-THPTLTV ngày 21 tháng 11 năm 2025 của Trường
THPT Lương Thế Vinh)

TT	Họ và tên học sinh	Mức học phí đề nghị hỗ trợ/tháng (đồng)	Số tháng	Tổng kinh phí đề nghị hỗ trợ (đồng)	Ghi chú
	Tổng số: 36			18,000,000	
C	Học sinh THPT				
I	Học sinh thành thị				
1	Lương Sỹ Đức Anh	125,000	4	500,000	
2	Phạm Tuấn Anh	125,000	4	500,000	
3	Dương Trí Dũng	125,000	4	500,000	
4	Phạm Hoàng Dũng	125,000	4	500,000	
5	Lưu Tuấn Dương	125,000	4	500,000	
6	Bùi Quang Đạo	125,000	4	500,000	
7	Nguyễn Thành Đạt	125,000	4	500,000	
8	Trần Duy Đạt	125,000	4	500,000	
9	Dương Gia Đức	125,000	4	500,000	
10	Nguyễn Hoàng Đức	125,000	4	500,000	
11	Nguyễn Xuân Hiếu	125,000	4	500,000	
12	Phạm Đào Trung Hiếu	125,000	4	500,000	
13	Nguyễn Minh Huy	125,000	4	500,000	
14	Trần Đức Huy	125,000	4	500,000	
15	Nguyễn Nam Hưng	125,000	4	500,000	
16	Vũ Duy Khánh	125,000	4	500,000	

17	Vũ Trường Khánh	125,000	4	500,000	
18	Bùi Nguyễn Tùng Lâm	125,000	4	500,000	
19	Lương Mỹ Linh	125,000	4	500,000	
20	Đinh Xuân Long	125,000	4	500,000	
21	Vũ Hoàng Mai	125,000	4	500,000	
22	Đinh Trịnh Quang Minh	125,000	4	500,000	
23	Thân Công Minh	125,000	4	500,000	
24	Hoàng Hà My	125,000	4	500,000	
25	Nguyễn Thành Nam	125,000	4	500,000	
26	Bùi Đức Phong	125,000	4	500,000	
27	Vũ Ngọc Phong	125,000	4	500,000	
28	Trần Hoàng Quân	125,000	4	500,000	
29	Nguyễn Đỗ Như Quỳnh	125,000	4	500,000	
30	Đào Thị Minh Tâm	125,000	4	500,000	
31	Nguyễn Văn Thành	125,000	4	500,000	
32	Nguyễn Thu Trang	125,000	4	500,000	
33	Nguyễn Anh Tuấn	125,000	4	500,000	
34	Ngô Thùy Vân	125,000	4	500,000	
35	Vũ Cẩm Vân	125,000	4	500,000	
36	Nguyễn Đức Việt	125,000	4	500,000	